

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24** /2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-5-2022

V/v “*Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Dũng.

Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1945; địa chỉ: Số A, đường B, tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1955; Địa chỉ: St Brooklyn, New York, USA. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số A, đường N, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Theo hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh T được Lãnh sự quán Việt Nam tại New York, Mỹ công chứng ngày 22/02/2021, số công chứng 51.02/LSQNY). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 140/2014/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân quận L. Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, ông và bà H không phân chia tài sản chung. Nay ông yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà Nguyễn Thị H có tạo lập được các khối tài sản sau:

1. 03 (ba) thửa đất, tổng diện tích: 963,6 m², tờ bản đồ số: 85, bao gồm các thửa số: 18, 179 và 180; nhà ở có diện tích xây dựng: 135,9 m², diện tích sử dụng: 266,1 m²; kết cấu: tường xây, mái tôn + dúc, sàn dúc; số tầng: 02, tại tổ 45, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BR 807730 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/5/2014 đứng tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H.

2. 01 (một) lô đất tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 85, diện tích: 70 m² thuộc tổ 10, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BE 756647 do UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2011 đứng tên ông Võ Văn H và bà Trần Thị Mỹ D, chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H ngày 09/5/2014.

Ông đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị H quản lý và sử dụng đất tại thửa đất số 179 diện tích là 267.2 m² và thửa đất số 146 diện tích 70 m². Còn ông quản lý và sử dụng thửa đất số 18, diện tích 530.8 m² có tài sản gắn liền trên đất và thửa đất số 180, diện tích 97,6 m². Ông được nhận tài sản theo tỷ lệ ông 60% , bà H 40% và thời trả chênh lệch tài sản cho bà H.

Lý do ông nhận giá trị tài sản với tỷ lệ 60%, vì các quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên có nguồn gốc do cha mẹ ông tạo lập, để thừa kế lại cho ông. Sau đó khi tiến hành kê khai thừa kế, ông để bà Nguyễn Thị H cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất. Nguyên vọng của cha mẹ khi để lại di chúc, ông là người thừa kế phải bảo tồn khối tài sản để làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên.

** Bị đơn Nguyễn Thị H có ông Nguyễn Thanh T diện theo ủy quyền, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:*

Ngày bà H và ông H nhận được di sản thừa kế thì ngôi nhà chỉ là ngôi nhà cấp 4, nhưng dưới sự lao động của bà H từ ngôi nhà cấp 4 trở thành ngôi nhà tường xây; mái tôn + đúc, sàn đúc, khang trang. Với tâm niệm là của ông bà để lại cho con cháu nên bà H mới để lại ngôi nhà thờ và mong muốn để lại nhà cửa cho con cái và đi ra ngoài tự lập với hai bàn tay trắng. Theo nguyện vọng của bà H chia tài sản chung như sau: Bà H trọn quyền sử dụng đối với 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 179 có diện tích là 267.2 m², thửa đất số 180, có diện tích 97,6 m² và thửa đất số 146 có diện tích 70 m². Giao cho ông H quản lý và sử dụng thửa đất số 18, diện tích 530.8 m² có tài sản gắn liền trên đất. Đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo tỷ lệ 50/50.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện: “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn” của ông Nguyễn Thanh H đối với bà Nguyễn Thị H. Nguồn gốc các thửa đất: 18, 179 và 180 là di sản của cụ Nguyễn Lương B (cha đẻ của ông H) để lại cho ông H theo tờ di chúc được UBND xã H xác nhận ngày 20/03/1995, nên cần xét công sức đóng góp của ông H đối với các quyền sử dụng đất nhiều hơn, chia cho ông H với tỷ lệ 60%, bà H 40 %. Đối với ngôi nhà xây dựng trên thửa đất số 18, công sức ông H và bà H ngang nhau, chia giá trị ngôi nhà theo tỷ lệ 50/50.

Giao cho ông H quản lý, sử dụng thửa đất số 18 và sở hữu ngôi nhà 02 tầng trên thửa đất số 18; quyền sử dụng thửa đất số 146. Giao bà H quyền sử dụng thửa đất 179 và thửa đất 180. Ông H có nghĩa vụ bồi trả giá trị chênh lệch tài sản cho bà H.

Về án phí DSST: Ông H và bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc tự nguyện chịu các chi phí định giá tài sản, đo đạc thửa đất và xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H; địa chỉ: Số A đường B, tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, bị đơn bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: St Brooklyn, NewYork, USA, nên vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 123 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 140/2014/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng. Về tài sản chung, ông H và bà H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 02/6/2020, ông H có đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn, gồm có:

- 03 (ba) thửa đất, có tổng diện tích: 963,6 m², tờ bản đồ số 85, bao gồm các thửa số: 18, 179 và 180; nhà ở có diện tích xây dựng: 135,9 m², diện tích sử dụng: 266,2 m²; kết cấu: tường xây, mái tôn + đúc, sàn đúc; số tầng: 02, thuộc tổ 45, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BR 807730 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/5/2014 đứng tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H.

- 01 (một) thửa đất số 146, tờ bản đồ số 85, diện tích: 70 m² thuộc tổ 10, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BE 756647 do UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2011 đứng tên ông Võ Văn H và bà Trần Thị Mỹ D, chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H ngày 09/5/2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn như sau:

Ông H quản lý và sử dụng thửa đất số 18, diện tích 530.8 m² có tài sản gắn liền trên đất và thửa đất số 180, diện tích 97.6 m². Ông H giao cho bà Nguyễn Thị H quản lý và sử dụng thửa đất số 179, diện tích là 267.2 m² và thửa đất số 146, diện tích 70 m² và đề nghị Tòa án chia tài sản theo tỷ lệ ông H 60% và bà H 40%, ông H bồi trả giá trị chênh lệch tài sản cho bà Hoa.

Còn bà H do ông Nguyễn Thanh T đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được nhận quyền sử dụng đối với 03 thửa đất: 179, 180 và 146. Giao cho ông H sử dụng thửa đất số 18, diện tích 530.8 m² có tài sản gắn liền trên đất. Đề nghị Tòa án chia tài sản theo tỷ lệ mỗi người nhận 50/50.

Xét yêu cầu chia tài sản chung của ông H và bà H thì thấy:

Ngày 10/11/2014, ông H và bà H có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung, có xác nhận của UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 05/02/2015, tại biên bản họp giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H do UBND phường H ghi nhận, bà H và ông H thống nhất hủy bỏ văn bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 10/11/2014. Vì vậy, các khối tài sản nêu trên, vẫn là tài sản chung của ông H và bà H chưa chia.

Đối với văn bản thỏa thuận sự việc về đất đai gia đình (gia tộc) lập ngày 27/02/2017, chỉ có chữ ký của ông Hùng, không được công chứng, chứng thực. Nay cả ông H và bà H không đồng ý nên không có hiệu lực pháp luật, vì vậy HĐXX không đề cập đến.

Như vậy, khối tài sản chung của ông H và bà H yêu cầu Tòa án giải quyết, gồm có:

- 03 (ba) thửa đất số: 18, 179 và 180, tờ bản đồ số 85; nhà ở có diện tích xây dựng: 135,9 m², diện tích sử dụng: 266,2 m²; kết cấu: tường xây, mái tôn + đúc, sàn đúc; số tầng: 02, thuộc tổ 45, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BR 807730 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/5/2014 đứng tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H.

- 01 (một) thửa đất số 146, tờ bản đồ số 85, diện tích: 70 m² thuộc tổ 10, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BE 756647 do UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2011 đứng tên ông Võ Văn H và bà Trần Thị Mỹ D, chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H ngày 09/5/2014.

[2.2] Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2021, hiện trạng khối tài sản chung của ông H và bà Hoa, như sau:

- Đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 85, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng gồm có:

Nhà thứ nhất: Nhà 02 tầng, tường xây, nền lát gạch men, mái đúc bê tông cốt thép.

Nhà thứ hai: Nhà cấp 4, tường xây, mái tôn xi măng.

Nhà thứ ba: Nhà thờ tộc, tường xây, mái ngói.

Cả 03 nhà có chung sân và ngõ đi vào.

Tại buổi xem xét và thẩm định tại chỗ, ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện, tách phần diện tích đất hiện đang có nhà thờ trên đất, không yêu cầu chia trong khối

tài sản chung. Về diện tích cụ thể ông H yêu cầu Trung tâm kỹ thuật và Tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng xác định lại. Ông T thống nhất ý kiến của ông H về việc tách diện tích đất và nhà thờ, không giải quyết tranh chấp chia tài sản chung.

Theo kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng ngày 13/01/2022 cung cấp sơ đồ thửa đất số 18 như sau: Tổng diện tích khu đo là: 851.8 m², diện tích đo theo hiện trạng do ông Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thanh T xác định là 530.8 m² (Diện tích đất có sự thay đổi do biến động đường bê tông hiện trạng so với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 807730 là 598.8 m², phần diện tích nằm ngoài giấy chứng nhận là 321.0 m² (có sơ đồ kèm theo).

Như vậy đối với: Nhà thứ hai (*nhà cấp 4, tường xây, mái tôn xi măng*) và nhà thứ ba (*nhà thờ tộc, tường xây, mái ngói*), được ghi nhận tại buổi xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2021 (*ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện*) chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H và ông T đều thống nhất với kết quả đo đạc như trên và không yêu cầu Tòa giải quyết đối với ngôi nhà thứ hai và thứ ba, nên HĐXX không đề cập đến.

- Đối với thửa đất 146, có diện tích 70 m²; thửa đất 180, có diện tích 97,6 m² và thửa đất 179, diện tích 267,2 m², đều thuộc tờ bản đồ 85 và so với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có sự thay đổi.

[2.3] Căn cứ kết quả thẩm định giá tài sản theo Chứng thư thẩm định giá số 25/TĐG-CT ngày 25/3/2022 của Công ty công phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng, tổng giá trị tài sản là: 17.920.000.000đ (mười bảy tỷ, chín trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Trong đó, bao gồm:

- Thửa đất số 18, diện tích đất còn lại 530.8 m² giá trị là: 9.436.562.400 đồng; tài sản gắn liền trên đất (công trình xây dựng - nhà ở). Kết cấu nhà: tường xây, mái tôn - đúc, sàn đúc. Hiện trạng nhà cũ. Diện tích xây dựng: 135,9 m², diện tích sử dụng: 266,1 m²; số tầng: 02, giá trị là: 462.707.000 đồng.

- Thửa đất số 179, diện tích là 267,2 m², giá trị là: 4.750.281.600 đồng.

- Thửa đất số 180, diện tích là 97,6 m², giá trị là: 1.857.425.600 đồng.

- Thửa đất số 146, diện tích là 70 m², giá trị là: 1.413.020.000 đồng.

[2.4] Về nguồn gốc hình thành khối tài sản chung:

- Đối với ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên đất thửa số 18, ông H xác định sau khi nhận thừa kế quyền sử dụng đất năm 1995, năm 1999 ông H và bà H tiến hành xây lại nhà như hiện tại. Nguồn tiền xây nhà, theo ông H là do chị gái ở Mỹ gửi về cho nhưng

không cung cấp được chứng cứ. Còn theo ông T - đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng là do công sức lao động của bà H đóng góp. Xét thấy, đây là nhà hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Ông H yêu cầu chia tài sản theo tỷ lệ ông 60%, nhưng không chứng minh được công sức đóng góp nhiều hơn, nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của ông H, mà chia giá trị ngôi nhà theo tỷ lệ, ông H, bà H mỗi người nhận 50%. Theo kết quả định giá tài sản, ngôi nhà có trị giá: 462.707.000 đồng, nên ông H, bà H mỗi người được nhận: 231.353.500 đồng.

- Đối với 03 thửa đất số 18,179 và 180: Về nguồn gốc đất ông H và bà H đều xác định là di sản của cụ Nguyễn Lương B (cha đẻ của ông H) để lại cho ông H, theo tờ di chúc được UBND xã H xác nhận ngày 20/3/1995, nhưng khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H đồng ý để bà Nguyễn Thị H đứng tên, nên xác định đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân.

- Đối với thửa đất số 146, tại phiên tòa, ông H và ông T (đại diện theo ủy quyền của bà H) đều xác nhận, trong thời kỳ hôn nhân ông H và bà H đã chuyển nhượng khoảng 07 lô đất mà cụ Nguyễn Lương B để lại cho ông H, trong đó có thửa đất 146 chuyển nhượng cho ông H, bà D, số tiền bán đất gửi Ngân hàng. Năm 2014, ông H, bà H rút tiền gửi Ngân hàng để nhận chuyển nhượng lại thửa đất 146 như trên.

Như vậy, 04 thửa đất số 18,179, 180 và 146 có nguồn gốc do ông H được nhận thừa kế của cha mẹ ông H mà có, xét công sức đóng góp của ông H đối với các quyền sử dụng đất nhiều hơn bà H, nên chia cho ông H với tỷ lệ 60%, bà H 40 % là có căn cứ.

Xét thấy: Hiện nay ông H đang quản lý, sử dụng ngôi nhà 02 tầng trên thửa đất số 18, có vị trí liền kề nhà thờ tộc, ông H được giao trách nhiệm thờ cúng ông bà, cha mẹ, đồng thời tổng giá trị tài sản ông H được chia nhiều hơn, nên cần tiếp tục giao cho ông H sở hữu, sử dụng nhà và đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 85, diện tích 530.8 m², tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, tổng giá trị nhà đất là 9.899.269.400 đồng và thửa đất số 146, tờ bản đồ 85, diện tích 70 m² tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có giá trị: 1.413.020.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là hiện vật ông H được nhận có giá trị: 11.312.289.400 đồng.

Giao cho bà H được quyền sử dụng đối với thửa đất 179, tờ bản đồ 85, diện tích 267.2 m², tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có giá trị: 4.750.281.600 đồng và thửa đất 180, tờ bản đồ 85, diện tích 97.6 m², tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, có giá trị: 1.857.425.600 đồng. Tổng giá trị tài sản là hiện vật bà H được nhận có giá trị: 6.607.707.200 đồng.

Như đã nhận định trên, đối với giá trị quyền sử dụng 04 thửa đất, ông H được chia 60%, bà H 40%; đối với giá trị nhà 02 tầng trên thửa đất số 18, ông H và bà H, mỗi người được chia 50%, tổng giá trị ông H được chia: 10.705.727.260 đồng, tổng giá trị bà H được chia: 7.214.269.340 đồng. Do ông H được nhận tài sản là hiện vật có giá trị nhiều hơn, nên phải bồi trả giá trị chênh lệch tài sản cho bà H là: 606.562.140 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với các cấp có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý, điều chỉnh các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

[2.5] *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng* phát biểu quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX, nên chấp nhận.

[2.6] *Về chi phí định giá tài sản 32.000.000 đồng:* Ông H tự nguyện chịu (đã nộp xong).

[2.7] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng:* Ông H tự nguyện chịu (đã nộp, đã chi).

[2.8] *Về chi phí đo đạc: 3.736.000 đồng,* H tự nguyện chịu (đã nộp xong).

[2.9] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H và bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59, 122, 123 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*” của ông Nguyễn Thanh H đối với bà Nguyễn Thị H.

Xử:

1 Về tài sản chung:

1.1 Giao cho ông Nguyễn Thanh H quản lý, sử dụng:

+ Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 85, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, diện tích là 530.8 m² giá trị là: 9.436.562.400 đồng và sở hữu tài sản gắn liền với đất có diện tích xây dựng: 135,9 m², diện tích sử dụng: 266,1 m²; kết cấu: tường xây, mái tôn + dúc, sàn dúc; số tầng: 02, giá trị là: 462.707.000 đồng, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BR 807730 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/5/2014 đứng tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H. (Diện tích đất có sự thay đổi do biến động đường bê tông hiện trạng so với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 807730 là 598.8 m², phần diện tích nằm ngoài giấy chứng nhận là 321.0 m² (có sơ đồ kèm theo).

+ Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 85, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, diện tích là 70 m² giá trị là: 1.413.020.000 đồng, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BE 756647 do UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2011 đứng tên ông Võ Văn H và bà Trần Thị Mỹ D, chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H ngày 09/5/2014.

1.2 Giao cho bà Nguyễn Thị H quản lý và sử dụng:

+ Thửa đất số 179, tờ bản đồ số 85, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, diện tích là 267.2 m², giá trị là: 4.750.281.600 đồng.

+ Thửa đất số 180, tờ bản đồ 85, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, diện tích là 97.6 m², giá trị là: 1. 857.425.600 đồng.

Hai thửa đất 179 và 180 đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 807730 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/5/2014 đứng tên ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H.

Ông Nguyễn Văn H được nhận giá trị tài sản: 10.705.727.260 đồng

Bà Nguyễn Thị H được nhận giá trị tài sản: 7.214.269.340 đồng.

1.3 Nghĩa vụ thanh toán chênh lệch về tài sản chung: Buộc ông Nguyễn Thanh H thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị H số tiền là: 606.562.140 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với các cấp có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý, điều chỉnh các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí định giá tài sản 32.000.000 đồng: Ông H tự nguyện chịu (đã nộp xong).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng: Ông H tự nguyện chịu (đã nộp, đã chi).

4. Về chi phí đo đạc: 3.736.000 đồng, H tự nguyện chịu (đã nộp xong).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Nguyễn Thị H không có mặt tại phiên tòa, được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

